

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đại học chính quy đợt 1 năm 2023

Căn cứ Quy chế tuyển sinh hiện hành, Trường Đại học Tây Nguyên thông báo tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học chính quy đợt 1, năm 2023 như sau:

1. Thông tin tuyển sinh

1.1. Thông tin chung

- Tên trường: Trường Đại học Tây Nguyên
- Mã trường: TTN

1.2. Đối tượng tuyển sinh và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

a) **Đối tượng tuyển sinh:** Theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

b) **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**

- Đối với phương thức tuyển sinh có sử dụng kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT): Nhà trường sẽ công bố sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố ngưỡng đầu vào cho các ngành thuộc nhóm ngành sức khỏe và nhóm ngành đào tạo giáo viên.

- Đối với phương thức sử dụng điểm kết quả học tập THPT (xét học bạ), xét điểm thi đánh giá năng lực, thí sinh đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề khi: Học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên. Riêng đối với các ngành Giáo dục thể chất, ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học thí sinh phải có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

- Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế khi đăng ký xét tuyển vào ngành Giáo dục Thể chất không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

- Đối với thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2023 của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, ngoài các yêu cầu trên, thí sinh phải đạt yêu cầu về kết quả thi đánh giá năng lực (đã bao gồm điểm ưu tiên, tính theo thang điểm 1200) như sau:

- Ngành Y khoa: Đạt từ 850 điểm trở lên
- Ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học và các ngành đào tạo giáo viên (trừ ngành Giáo dục Thể chất): Đạt từ 700 điểm trở lên
- Các ngành khác: Đạt từ 600 điểm trở lên

- Đối với ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Thể chất, ngoài các quy định trên, thí sinh phải có điểm các môn năng khiếu đạt từ 5,0 (năm) trở lên mới đủ điều kiện xét tuyển.

- Đối với ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Sư phạm Tiếng Anh, thí sinh xét tuyển theo phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập THPT (học bạ) phải có điểm môn Tiếng Anh đạt từ 6,0 (sáu) trở lên mới đủ điều kiện xét tuyển.

- Đối với phương thức xét học bạ, tổng điểm xét tuyển đã bao gồm điểm ưu tiên phải đạt từ 18,0 (mười tám) trở lên mới đủ điều kiện xét tuyển.



1.3. Thông tin ngành, phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính
1	Đại học	7140201	Giáo dục Mầm non	405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu	75	M01		M09					
2	Đại học	7140201	Giáo dục Mầm non	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT (học bạ) với điểm thi năng khiếu	20	M01		M09					
3	Đại học	7140201	Giáo dục Mầm non	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	3	NL1							
4	Đại học	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	50	A00		C00		C03		D01	
5	Đại học	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	15	A00		C00		C03		D01	
6	Đại học	7140202	Giáo dục Tiểu học	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	3	NL1							
7	Đại học	7140202JR	Giáo dục Tiểu học - Tiếng Jrai	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	A00		C00		C03		D01	
8	Đại học	7140202JR	Giáo dục Tiểu học - Tiếng Jrai	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	5	A00		C00		C03		D01	
9	Đại học	7140202JR	Giáo dục Tiểu học - Tiếng Jrai	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	3	NL1							
10	Đại học	7140205	Giáo dục Chính trị	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	13	C00		C19		D01		D66	
11	Đại học	7140205	Giáo dục Chính trị	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	3	C00		C19		D01		D66	
12	Đại học	7140205	Giáo dục Chính trị	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	2	NL1							

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính
13	Đại học	7140206	Giáo dục Thể chất	405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu	3	T01		T20					
14	Đại học	7140206	Giáo dục Thể chất	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT (học bạ) với điểm thi năng khiếu	13	T01		T20					
15	Đại học	7140206	Giáo dục Thể chất	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	2	NL1							
16	Đại học	7140209	Sư phạm Toán học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	25	A00		A01		A02		B00	
17	Đại học	7140209	Sư phạm Toán học	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	7	A00		A01		A02		B00	
18	Đại học	7140209	Sư phạm Toán học	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	3	NL1							
19	Đại học	7140211	Sư phạm Vật lí	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	13	A00		A01		A02		C01	
20	Đại học	7140211	Sư phạm Vật lí	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	3	A00		A01		A02		C01	
21	Đại học	7140211	Sư phạm Vật lí	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	2	NL1							
22	Đại học	7140212	Sư phạm Hóa học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	13	A00		B00		D07			
23	Đại học	7140212	Sư phạm Hóa học	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	3	A00		B00		D07			
24	Đại học	7140212	Sư phạm Hóa học	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	2	NL1							
25	Đại học	7140213	Sư phạm Sinh học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	13	A02		B00		B03		B08	

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính
26	Đại học	7140213	Sư phạm Sinh học	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	3	A02		B00		B03		B08	
27	Đại học	7140213	Sư phạm Sinh học	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	2	NL1							
28	Đại học	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	18	C00		C19		C20			
29	Đại học	7140217	Sư phạm Ngữ văn	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	5	C00		C19		C20			
30	Đại học	7140217	Sư phạm Ngữ văn	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	3	NL1							
31	Đại học	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	35	D01		D14		D15		D66	
32	Đại học	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	7	D01		D14		D15		D66	
33	Đại học	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	3	NL1							
34	Đại học	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	25	A00		A02		A16		D90	
35	Đại học	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	A00		A02		A16		D90	
36	Đại học	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
37	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	70	D01		D14		D15		D66	
38	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	70	D01		D14		D15		D66	

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính
39	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
40	Đại học	7229001	Triết học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	15	C00		C19		D01		D66	
41	Đại học	7229001	Triết học	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	15	C00		C19		D01		D66	
42	Đại học	7229001	Triết học	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
43	Đại học	7229030	Văn học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	C00		C19		C20			
44	Đại học	7229030	Văn học	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	C00		C19		C20			
45	Đại học	7229030	Văn học	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
46	Đại học	7310101	Kinh tế	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	30	A00		A01		D01		D07	
47	Đại học	7310101	Kinh tế	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	60	A00		A01		D01		D07	
48	Đại học	7310101	Kinh tế	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
49	Đại học	7310105	Kinh tế phát triển	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	25	A00		A01		D01		D07	
50	Đại học	7310105	Kinh tế phát triển	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	45	A00		A01		D01		D07	
51	Đại học	7310105	Kinh tế phát triển	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính
52	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	60	A00		A01		D01		D07	
53	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	50	A00		A01		D01		D07	
54	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
55	Đại học	7340121	Kinh doanh thương mại	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	A00		A01		D01		D07	
56	Đại học	7340121	Kinh doanh thương mại	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	30	A00		A01		D01		D07	
57	Đại học	7340121	Kinh doanh thương mại	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
58	Đại học	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	A00		A01		D01		D07	
59	Đại học	7340201	Tài chính - Ngân hàng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	25	A00		A01		D01		D07	
60	Đại học	7340201	Tài chính - Ngân hàng	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
61	Đại học	7340301	Kế toán	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	60	A00		A01		D01		D07	
62	Đại học	7340301	Kế toán	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	50	A00		A01		D01		D07	
63	Đại học	7340301	Kế toán	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
64	Đại học	7420201	Công nghệ sinh học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	A00		A02		B00		B08	
65	Đại học	7420201	Công nghệ sinh học	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	30	A00		A02		B00		B08	

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính
66	Đại học	7420201	Công nghệ sinh học	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
67	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	40	A00		A01					
68	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	30	A00		A01					
69	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
70	Đại học	7510406	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	A00		A02		B00		B08	
71	Đại học	7510406	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	A00		A02		B00		B08	
72	Đại học	7510406	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
73	Đại học	7540101	Công nghệ thực phẩm	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	A00		A02		B00		B08	
74	Đại học	7540101	Công nghệ thực phẩm	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	25	A00		A02		B00		B08	
75	Đại học	7540101	Công nghệ thực phẩm	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
76	Đại học	7620105	Chăn nuôi	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	A00		A02		B00		D07	
77	Đại học	7620105	Chăn nuôi	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	30	A00		A02		B00		D07	
78	Đại học	7620105	Chăn nuôi	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính
79	Đại học	7620110	Khoa học cây trồng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	30	A00		A02		B00		B08	
80	Đại học	7620110	Khoa học cây trồng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	40	A00		A02		B00		B08	
81	Đại học	7620110	Khoa học cây trồng	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
82	Đại học	7620112	Bảo vệ thực vật	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	A00		A02		B00		B08	
83	Đại học	7620112	Bảo vệ thực vật	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	35	A00		A02		B00		B08	
84	Đại học	7620112	Bảo vệ thực vật	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
85	Đại học	7620115	Kinh tế nông nghiệp	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	A00		A01		D01		D07	
86	Đại học	7620115	Kinh tế nông nghiệp	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	A00		A01		D01		D07	
87	Đại học	7620115	Kinh tế nông nghiệp	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
88	Đại học	7620205	Lâm sinh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	A00		A02		B00		B08	
89	Đại học	7620205	Lâm sinh	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	A00		A02		B00		B08	
90	Đại học	7620205	Lâm sinh	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
91	Đại học	7640101	Thú y	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	50	A00		A02		B00		D07	
92	Đại học	7640101	Thú y	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	80	A00		A02		B00		D07	

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính
93	Đại học	7640101	Thú y	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							
94	Đại học	7720101	Y khoa	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	200	B00							
95	Đại học	7720101	Y khoa	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	15	NL1							
96	Đại học	7720301	Điều dưỡng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	25	B00							
97	Đại học	7720301	Điều dưỡng	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	B00							
98	Đại học	7720301	Điều dưỡng	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	3	NL1							
99	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	25	B00							
100	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	B00							
101	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	3	NL1							
102	Đại học	7850103	Quản lý đất đai	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	A00		A01		A02		B00	
103	Đại học	7850103	Quản lý đất đai	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	30	A00		A01		A02		B00	
104	Đại học	7850103	Quản lý đất đai	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh năm 2023 để xét tuyển	5	NL1							

1.4. Chế độ ưu tiên, điều kiện phụ trong tuyển sinh

a) **Ưu tiên theo khu vực và đối tượng:** Thực hiện theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành. Trong năm 2023, có một số thay đổi về cách tính điểm ưu tiên khi xét tuyển cho thí sinh, cụ thể:

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định nếu tốt nghiệp THPT hoặc trung cấp trong năm 2022 hoặc 2023;

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định}$

b) **Điều kiện phụ trong tuyển sinh:** Đối với các thí sinh có điểm bằng nhau ở cuối danh sách xét tuyển, Nhà trường sẽ ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh có học lực lớp 12 cao hơn, cụ thể:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Điều kiện phụ
1	7140201	Giáo dục Mầm non	Học lực 12
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	Học lực 12
3	7140202JR	Giáo dục Tiểu học – Tiếng Jrai	Học lực 12
4	7140217	Sư phạm Ngữ văn	Học lực 12
5	7229030	Văn học	Học lực 12

1.5. **Mức chênh lệch điểm trong xét tuyển:** Điểm trúng tuyển bằng nhau trong cùng một ngành và cùng một phương thức xét tuyển.

1.6. **Nguyên vọng trúng tuyển:** Mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển 1 nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất trong số các nguyện vọng đã đăng ký đảm bảo điều kiện trúng tuyển (nguyện vọng 1 là nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất).

2. Các bước đăng ký xét tuyển

a) **Đăng ký tài khoản:** Thí sinh phải đăng ký tài khoản trước khi đăng ký xét tuyển. Đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2023, tài khoản do trường THPT cấp; Thí sinh tự do phải đăng ký tài khoản tại các Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hoặc tại các trường THPT do Sở GDĐT ủy quyền để được cấp tài khoản, thời gian đăng ký tài khoản đối với thí sinh tự do từ ngày 15/6/2023 đến ngày 20/7/2023.

b) **Cách đăng ký nguyện vọng:** Thí sinh sử dụng tài khoản đã được cấp để đăng ký trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

c) **Thời gian đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng** (không hạn chế số lần): Từ 10/7/2023 đến 17h00 ngày 30/7/2023.

d) **Xác nhận nguyện vọng và nộp lệ phí:** Thí sinh phải xác nhận số lượng, thứ tự nguyện vọng và nộp lệ phí xét tuyển theo hình thức trực tuyến từ ngày 31/7/2023 đến 17h00 ngày 06/8/2023. Thí sinh chưa hoàn thành bước này thì Hệ thống sẽ chưa chấp nhận việc đăng ký xét tuyển của thí sinh.

Ghi chú:

- Đối với thí sinh tự do (tốt nghiệp từ năm 2022 trở về trước) có nguyện vọng đăng ký xét tuyển bằng học bạ, vui lòng gửi file scan có định dạng *.pdf của học bạ về Trường theo

địa chỉ: <https://www.ttn.edu.vn/hocba> để Nhà trường có cơ sở để xét tuyển. Thời gian nộp cùng với thời gian đăng ký xét tuyển. Thí sinh nào không bổ sung, Nhà trường coi như thí sinh không đăng ký theo phương thức xét học bạ.

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Thể chất phải đăng ký thi năng khiếu trước 17h00 ngày 07/7/2023 theo thông báo về việc thi năng khiếu năm 2023 của Trường Đại học Tây Nguyên.

3. Lệ phí xét tuyển: Theo quy định chung về việc thu lệ phí tuyển sinh năm 2023

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ: Phòng Truyền thông và Tư vấn tuyển sinh, Trường Đại học Tây Nguyên, 567 Lê Duẩn, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 02623.817.397, 096 516 44 45

Email: tuyensinh@ttn.edu.vn

website: <http://tuyensinh.ttn.edu.vn>

Fanpage: www.fb.com/tvtsttn

Nơi nhận:

- Phòng TT&TVTS (đăng website);
- Lưu: VT, ĐT(T.3b).



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Tonic